TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 29 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị H** - Sinh năm 1978

- Bị đơn: Anh **Triệu Văn T** - Sinh năm 1978

Cùng trú tại: Thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị H và anh Triệu Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Triệu Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Triệu Văn T xác nhận có 02 con chung, tên là Triệu Thị H sinh ngày 29/11/2000 (con chung Triệu Thị H đã trưởng thành) và Triệu Thị H sinh ngày 15/01/2005; 02 con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Chị Đỗ Thị H và anh Triệu Văn T thoả thuận khi ly hôn giao con chung tên là Triệu Thị H cho chị Đỗ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Triệu Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí vụ án ly hôn với số tiền là 150.000^{đ} *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 03652 ngày 18/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị Đỗ Thị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000^{đ} *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh + BBGN; 1;
- VKSND huyện B; 2;
- THADS H. B; 1;
- UBND xã Y;
(Nơi đăng ký kết hôn) 1;
- Các đương sự; 2;
- Lưu HS, VT. 2.

THẨM PHÁN

Đã ký

Hoàng Anh Tuấn